

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2017/HSST
Ngày 28/11/2017
Vụ: Nguyễn Thanh Q cùng
đồng phạm “*Trộm cắp tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Trần Quốc Huy
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Nguyễn Thanh Tùng;
 2. Ông Hoàng Ngọc Thoan.
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Ngô Thị Hồng - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Đông Hà.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 28/11/2017, tại Nhà văn hóa khu phố Trung Chi, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 52/2017/HSST ngày 16/10/2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh Q, sinh năm: 1969, tại Quảng Trị;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu phố B, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; Trình độ văn hoá: 10/10; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông: Nguyễn Thanh D và bà Đặng Thị Đ (đều đã chết); Vợ: Lê Thị Ngọc N; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2010, bé nhất sinh năm 2012;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/9/1999, Q bị Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ), xử phạt: 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội: “*Gây rối trật tự nơi công cộng*”.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Thanh M, sinh năm: 1995, tại Quảng Trị;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Trị; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Thợ cưa; Con ông: Không xác định được và bà Trịnh Thị T; Vợ: Hoàng Thị Quỳnh T, có 01 con, sinh năm 2017;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Đức T, sinh năm: 1994, tại Đồng Nai;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; Trình độ văn hoá: 3/12; Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Con ông: Trần Văn H (bỏ đi không xác định được địa chỉ) và bà Lê Thị N (đã chết); chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 13/01/2009, T bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng số 3 - Bộ Công an, thời hạn 24 tháng. Ngày 13/12/2010 T chấp hành xong trở về địa phương sinh sống.

- Ngày 13/6/2013, T bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình xử phạt 7 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Có mặt tại phiên tòa.

* **Nguyên đơn dân sự:** Hợp tác xã Dịch vụ Tổng hợp Nông nghiệp Đ; Trụ sở đóng tại: Khu phố N, phường T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm V. Vắng mặt.

* **Người bị hại:** Anh Bùi Hải Q, sinh ngày 28/02/2001; địa chỉ: Thôn M, xã G, huyện L, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho anh Bùi Hải Q: Ông Bùi Xuân T; địa chỉ: T, xã M, huyện G, tỉnh Quảng Trị (bố anh Q). Có mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Lê Thị Ngọc N, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: Khu phố B, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- Anh Lý Văn H, sinh năm: 1992;

Địa chỉ: Thôn X, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 07 giờ, ngày 20/5/2017, Nguyễn Thanh Q và Phan Thanh M uống cafe gần nhà Q thì Q nảy sinh ý định đi cửa trộm cây trà về bán nên rủ M tham gia. Q nói với M “*Bây kiểm ít ngọn và gõ Trà về ăn mòng 5*”. M đồng ý và điều khiển xe mô tô chở Q lên khu vực rừng trà của Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp Đ (thuộc khu phố T, phường Đ, thành phố Đ), thấy không có người trông giữ nên cả hai quay về. Đến 10 giờ cùng ngày, M rủ thêm Trần Đức T đi cửa trộm trà, T đồng ý.

Khoảng 11 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô kiểu dáng Win, hiệu Fan lim, biển kiểm soát 74F3-6851 tới nhà chở Q, M điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 74H1-5011, chở theo một máy cưa hiệu STIHL MS 381 và một cây Rựa đi lên rừng trà. Đến nơi, Q đứng ngoài cảnh giới, M, T vào cửa trộm 38 cây Trà có đường kính từ 11-22 cm và cắt cây thành 3 đến 4 khúc, xếp thành nhiều đống rồi ra về và hẹn chiều lên bốc.

Khoảng 17 giờ cùng ngày, M gọi Q lên chở gỗ trà còn M điều khiển xe mô tô chở T. Q điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 74K-6146 đến vị trí để gỗ trà rồi cùng T, M chuẩn bị mang đi tiêu thụ thì phát hiện cán bộ của Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp Đ cùng Công an phường nên Q điều khiển xe ô tô bỏ chạy, T và M bị bắt giữ cùng tang vật.

Tại bản kết luận số 57/KLĐGTS ngày 01/6/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ xác định: Giá trị của 38 cây Trà là: 3.283.200 đồng.

Ngoài hành vi cướp giật Trầm nêu trên thì Trần Đức T còn thực hiện hành vi trộm cắp điện thoại di động tại huyện G, cụ thể như sau:

Khoảng 5 giờ, ngày 23/7/2017, trong lúc đang ở nhà anh Bùi Văn H (anh rể của T) ở thôn N, xã G, huyện L, tỉnh Quảng Trị, Trần Đức T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ. T đi bộ đến nhà bà Trương Thị H, phát hiện cửa phụ phía trước của ngôi nhà mở nên T đi vào tìm kiếm tài sản để lấy trộm. Vào bên trong nhà, T đến phòng ngủ thì thấy con trai bà H là Bùi Hải Q đang ngủ, phía trên đầu giường có một chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J5, màu trắng đang sạc pin nên T lấy trộm và tẩu thoát ra ngoài theo lối đã vào. Sau khi ra khỏi nhà, T đi bộ đến bờ sông gần đó tắt nguồn điện thoại, tháo hai chiếc sim vứt xuống sông rồi đi bộ về nhà anh H. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, T mang chiếc điện thoại lấy trộm được đến cửa hàng sửa chữa điện thoại NL ở đường Đ, phường M, thành phố Đ, do anh Lý Văn H làm chủ bán với giá 2.000.000 đồng. Số tiền có được từ việc bán điện thoại T trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận số 30/KLĐGTS ngày 25/7/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L xác định giá trị còn lại chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J5 và hai chiếc sim điện thoại là: 4.200.000 đồng.

Cáo trạng số 41/KSĐT-KT ngày 13/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh Q, Phan Thanh M và Trần Đức T về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

- Đại diện Viện kiểm sát: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh Q, Phan Thanh M và Trần Đức T phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*";

+ Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, g, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 18, Điều 20; Điều 52; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự; Điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 theo hướng dẫn Nghị quyết 41/2017/QH của Quốc hội ngày 20/6/2017 để xử phạt Nguyễn Thanh Q: Từ 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, g, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 18, Điều 20; Điều 52; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự để xử Phan Thanh M: Từ 04 đến 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g khoản 1 Điều 48; các điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự và Điều 18; Điều 20; Điều 52 BLHS; Điều 53 Bộ luật Hình sự (đối với hành vi trộm trộm) để xử phạt Trần Đức T từ 09 đến 12 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thanh Q, Phan Thanh M và Trần Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản mà các bị cáo đã cùng thực hiện vào ngày 20/5/2017 tại U, khu phố T, phường Đ, thành phố Đ. Ngoài ra, bị cáo Trần Đức T còn khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản mà bị cáo đã thực hiện vào ngày 23/7/2017, tại nhà anh Bùi Hải Q; địa chỉ: Thôn M, xã G, huyện L, tỉnh Quảng Trị. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung Cáo trạng số 41/KSĐT-KT ngày 13/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị nên đã đủ cơ sở để xác định:

Các bị cáo Nguyễn Thanh Q, Phan Thanh M và Trần Đức T lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, các bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Hợp tác xã Dịch vụ Tổng hợp Nông nghiệp Đ. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị 3.283.200 đồng, được xác định tại bản kết luận định giá số 57/KLĐGTS ngày 01/6/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ nên hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Thanh Q, Phan Thanh M và Trần Đức T đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản*" được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo trong quá trình thực hiện hành phạm tội nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm, nhưng giản đơn, trong đó: Nguyễn Thanh Q là người khởi xướng đồng thời là người cảnh giới để Phan Thanh M cùng Trần Đức T trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài ra, các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội này đã cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn, cụ thể: Khi các bị cáo chuẩn bị dịch chuyển tài sản chiếm đoạt đi tiêu thụ thì bị phát hiện, bắt giữ. Do đó, phải áp dụng Điều 18, Điều 20, Điều 52 và Điều 53 Bộ luật Hình sự khi lượng hình đối với các bị cáo về hành vi phạm tội này.

Đối với Trần Đức T: Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, ngày 23/7/2017 Trần Đức T còn có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Bùi Hải Q. Tài sản T chiếm đoạt của anh Q có giá trị 4.200.000 đồng, được xác định tại bản kết luận định giá số 30/KLĐGTS ngày 25/7/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L nên hành vi chiếm đoạt chiếc điện thoại của Trần Đức T cũng đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Do đó, T phải chịu trách nhiệm hình sự trên tổng giá trị tài sản 02 vụ trộm cắp là: 7.483.200 đồng (3.283.200 đồng + 4.200.000 đồng).

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an trên địa bàn nên cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng - ngừa và đẩy lùi tội phạm.

Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trần Đức T 02 lần thực hiện hành vi phạm tội (như đã phân tích nêu trên) nên T phải chịu tình tiết tăng nặng

trách nhiệm hình sự “*Phạm tội nhiều lần*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và bồi thường thiệt hại thêm cho Hợp tác xã Dịch vụ Tổng hợp nông nghiệp Đ 10.000.000 đồng; Bị cáo Trần Đức T đã bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của anh Bùi Hải Q và anh Lý Văn H; Hợp tác xã Dịch vụ Tổng hợp Nông nghiệp Đ xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Bố của bị cáo Q có công với nước, cụ thể: Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm p, b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự cần áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thanh Q, Phan Thanh M gây thiệt hại không lớn nên phải áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Q và bị cáo M.

Xét tính chất, mức độ, hậu quả pháp lý của hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Nguyễn Thanh Q đã bị kết án vào năm 1999 nên không được xem là nhân thân tốt nhưng bị cáo đã được xóa án tích trên 10 năm nên được xem là chưa bị kết án; bị cáo Phan Thanh M có nhân thân tốt. Các bị cáo Q, M được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có chỗ ở ổn định và có địa chỉ rõ ràng nên cần áp dụng thêm khoản 1 khoản 2, Điều 60 Bộ luật Hình sự để cho các bị cáo hưởng án treo là có căn cứ.

Đối với bị cáo T: T 02 lần thực hiện hành vi phạm tội, có nhân thân xấu, cụ thể: Đã bị Chủ tịch UBND thành phố Đ ra quyết định đưa vào Trường giáo dưỡng vì có hành vi “*Nhiều lần trộm cắp tài sản*”, bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình xử phạt 7 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo mới được xóa án tích xong nhưng không chịu tu chí làm ăn lương thiện mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là cần thiết.

Đối với hành vi mua điện thoại của anh Lý Văn H, Hội đồng xét xử thấy: Anh H không biết chiếc điện thoại mà Anh đã mua của Trần Đức T là do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự về hành vi này đối với anh H là có căn cứ.

** Về vật chứng:*

- 01 chiếc rựa thuộc quyền sở hữu của Phan Thanh M, M sử dụng làm công cụ phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ.

- Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 74K-6146 thuộc quyền sở hữu riêng của bà Lê Thị Ngọc N, bị cáo Q sử dụng làm phương tiện phạm tội (đưa tài sản chiếm đoạt đi tiêu thụ) bà N không biết, Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô cho bà N là có căn cứ.

** Về trách nhiệm dân sự:*

- Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp Đ, anh Bùi Hải Q đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và nhận thêm tiền bồi thường; Anh H đã nhận lại số tiền

2.000.000 đồng từ bị cáo T. Những người này không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo: **Nguyễn Thanh Q, Phan Thanh M và Trần Đức T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng khoản 1, Điều 138; Điều 18; Điều 20; Điều 52; Điều 53; điểm b, g, p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Thanh Q: 07 (*bảy*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (*mười bốn*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/11/2017.

Phan Thanh M: 06 (*sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (*mười hai*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/11/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, khoản 1, Điều 48; điểm b, p, khoản 1, khoản 2, Điều 46 Bộ luật hình sự. Đối với hành vi phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, cụ thể: Trộm Trộm, áp dụng thêm Điều 18; Điều 20; Điều 52; Điều 53 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Trần Đức T: 09 (*chín*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Giao bị cáo Nguyễn Thanh Q cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị thì Ủy ban nhân dân phường A có trách nhiệm thông báo cho Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị thì Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Đ có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

- Giao bị cáo Phan Thanh M cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Quảng Trị giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện T, tỉnh Quảng Trị thì Ủy ban nhân dân xã A có trách nhiệm thông báo cho Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện T, tỉnh Quảng Trị để làm thủ tục

chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện T, tỉnh Quảng Trị thì Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện T có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân thành phố Đ, Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, xử:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc rựa.

Vật chứng hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/10/2017, giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đông Hà và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, Người bị hại, Người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Bà Lê Thị Ngọc N) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Anh Lý Văn H) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đông Hà;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Quốc Huy